

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Vũ Biên Cương.

Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 tại tỉnh B; nơi cư trú: TK C, phường K, Q1, Thành Phố M; nghề nghiệp: Thợ thủ công; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1935 (sống) và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1933 (sống); bị cáo có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2004 nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 03-10-2018.

(Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 (đã chết).

Nơi cư trú: K1, thị trấn A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1955 (cha bị hại).
2. Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1955 (mẹ bị hại).
3. Huỳnh Thị N, sinh năm 1977 (vợ bị hại).
4. Nguyễn Văn P, sinh năm 1999 (con bị hại).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, chị N, anh P là ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1955 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02-10-2018) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: K1, thị trấn A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Thị Mai T2, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú : 562/25 Đ, P1, quận V, Thành Phố M.

2. Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch V (vắng mặt).

Địa chỉ : 99C Q, P2, quận B, Thành Phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn T5. Chức vụ : Giám đốc.

3. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Kim N1, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: 243/32/28 D, P4, Q4, Thành Phố M.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967 (có mặt).

3. Nguyễn Thế A1, sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi cư trú: 538/99 B, P14, Q4, Thành Phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 09-9-2018, Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 5G – KKK.NN (xe do Đinh Thị Mai T2 đứng tên giấy đăng ký), có giấy phép lái xe theo quy định, chạy trên đường ĐT 842 hướng từ xã B, thị xã H3 về xã A8, huyện H4, trên xe có chở ông Nguyễn Kim N1, ông Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Thế A1. Khi xe chạy đến gần trụ điện số: 473HN/173 thuộc ấp K, xã A8, huyện H4 thì H điều khiển xe chạy lấn sang phần đường bên trái nên va chạm vào xe mô tô biển kiểm soát 66M1-30955 do anh Nguyễn Văn

N, sinh năm 1975, địa chỉ: K1, thị trấn A, huyện T điều khiển chạy chiều ngược lại. Hậu quả anh N tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 09-9 - 2018 thể hiện như sau:

- Mặt đường nơi xảy ra tai nạn rộng 5,9 mét.
- Vị trí điểm va chạm giữa hai xe từ tâm điểm va chạm đo vào lề phải theo chiều đi từ xã A8, huyện H4 đến xã B, thị xã H3 là 1,87 mét.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 277/TTh – TTPY ngày 17-9- 2018 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận nguyên nhân dẫn tới tử vong của Nguyễn Văn N: Xuất huyết não.

Tại Biên bản kết luận giám định tài sản số: 79/KL-HĐĐG ngày 06-11- 2018 của Hội đồng định giá trị tài sản huyện H4 kết luận thiệt hại tài sản, hư hỏng xe ô tô biển số 5G – KKK.NN là 1.021.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 80/KL-HĐĐG ngày 06-11- 2018 của Hội đồng định giá trị tài sản huyện H4 kết luận thiệt hại tài sản, hư hỏng xe mô tô biển số 6M-YYY.SS là 1.125.000đồng.

Vật chứng của vụ án thu giữ được:

- 01 xe ô tô biển số 5G-KKK.NN, nhãn hiệu MAZDA, màu trắng, số máy: P00000, số khung 4DDDDD, dung tích xi lanh 1.496 cm³, điều tra xác định chủ sở hữu xe là chị Đinh Thị Mai T2 cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch V thuê tháng.

- 01 xe mô tô biển số 6M- YYY.SS, nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu đỏ - bạc - đen, số máy FFFFFF, số khung WWWWW, dung tích xi lanh 124,9 cm³ do chị Nguyễn Thị T3 đứng tên chủ sở hữu.

Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng đã trả lại 01 xe ô tô biển số 5G-KKK.NN cho chị Đinh Thị Mai T2 và 01 xe mô tô biển số 6M-YYY.SS cho chị Nguyễn Thị T3 quản lý, sử dụng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H đã thỏa thuận bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thanh T1 số tiền là 200.000.000đồng. Đại diện của bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và dân sự và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSTH ngày 09-11-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 200.000.000đồng bao gồm tiền viện phí, mai táng phí, tổn thất tinh thần... Bị cáo cũng đã bồi thường cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch V số tiền 44.000.000đồng và Công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch V đã bồi thường cho chị Đinh Thị Mai T2 số tiền trên gồm tiền sửa chữa xe ô tô và thuê xe trong thời gian bị Cơ quan Công an tạm giữ điều tra.

Khi luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không. Về tình tiết giảm nhẹ, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo có cha ruột là ông Nguyễn Văn H4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì và có bác là ông Nguyễn Văn Q là liệt sĩ. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tù 01 (một) năm đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm. Về trách nhiệm dân sự, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại phần tranh luận và nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn H không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hồ sơ hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 09-9-2018 bị cáo Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô biển số 5G – KKK.NN lấn sang phần đường bên trái theo hướng chiều đi của xe bị cáo và va chạm vào xe mô tô của anh Nguyễn Văn N điều khiển chạy theo chiều ngược lại, hậu quả làm anh N tử vong. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ cơ sở cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H là vi phạm pháp luật. Hậu quả tước đi mạng sống của anh N, làm gia đình anh N mất đi một

người con, một người chồng và một người cha mà không bao giờ kiếm lại được. Mặt khác, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tình hình an toàn giao thông trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang cho người dân khi tham gia giao thông, do vậy cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh, không chỉ vì để xử phạt bị cáo mà còn để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội với lỗi vô ý; sau khi gây ra tai nạn, bị cáo đã tích cực đưa bị hại đi cấp cứu; sau khi bị hại chết thì bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 200.000.000 đồng bao gồm viện phí, mai táng phí, tổn thất tinh thần.... Vì các lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, những người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, dân sự và đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Bên cạnh đó, cha ruột bị cáo là ông Nguyễn Văn H4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bác ruột là ông Nguyễn Văn Q là liệt sĩ nên đây được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 5G-KKK.NN đã hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Mai T2 quản lý, sử dụng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 6M-YYY.SS đã hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T3 quản lý, sử dụng nên không đặt vấn đề xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01(một) năm tù nhưng bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường K, Q1, Thành Phố M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26- 11- 2018). Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- UBND phường K Q1, thành phố M
- Bị cáo và những người tham gia TT khác;
- Lưu: HS VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Hương

